TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12/5/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương;
2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Bương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương* tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số: 90/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1996; thường trú tại: Số nhà 126N/2, khu phố 1B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Xuân T, sinh năm 1994; thường trú tại: Số nhà 126N/2, khu phố 1B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nơi làm việc: Cửa hàng sắt T, số 1/54, khu phố B 2, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 01 năm 2021, biên bản lấy lời khai 04/3/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị P trình bày*:

Bà Phượng và ông Lê Xuân T chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận kết hôn 30/2015 ngày 15/4/2009.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Lê Anh Th, sinh ngày 28/3/2016 và Lê Xuân H, sinh ngày 27/3/2018.

Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không trầm trọng. Đến năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nguyên nhân

mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, từ đó vợ chồng thường xuyên gây gỗ. Do vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên bà P mệt mỏi tinh thần, đã ra ngoài sống riêng từ tháng 02/2021 cho đến nay. Vợ chồng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên bà Phượng khởi kiện yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lê Xuân T.

Về con chung: Sau khi ly hôn bà Phượng yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung nêu trên. Không yêu cầu ông Tuân cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn đều vắng mặt.

Tại phiên Tòa: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần 2 đối với việc xét xử nhưng không có lý do chính đáng.

Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Xuân T và yêu cầu được nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – ông Lê Xuân T có nơi cư trú và làm việc tại thành phố T, tỉnh Bình Dương vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn – ông Lê Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị P và ông Lê Xuân T được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại xã xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30/2015, quyển số 01 ngày 04/5/2015 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Xuân T với lý do: năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không trầm trọng, đến năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, từ đó vợ chồng thường xuyên gây gỗ. Do vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên bà P mệt mỏi tinh thần, đã dọn ra ngoài sống riêng từ tháng 02/2021. Vợ chồng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Quá trình tố tụng Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà P và ông T tại nơi cư trú của vợ chồng nhưng chính quyền địa phương không ai có thông tin gì về việc vợ chồng bà P và ông T mâu thuẫn. Do ông T được Tòa án triệu tập nhưng đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét lời trình bày của ông T để đảm bảo quyền lợi cho ông T. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của bà P xác định vợ chồng bà P và ông T vì không còn tình cảm với nhau nên đã sống riêng với nhau từ tháng 02/2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống. Do tình trạng hôn nhân của bà P và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được được quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P về việc ly hôn với ông T.

Về con chung: Sau khi ly hôn bà P yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Anh Th, sinh ngày 28/3/2016 và Lê Xuân H sinh ngày 27/3/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, xét thấy: Bà P hiện nay là công nhân Công ty TNHH E, mức lương khoảng 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng mỗi tháng. Ông T không đến Tòa trình bày ý kiến nên Tòa không thu thập được thông tin về việc làm, mức thu nhập, điều kiện nuôi con của ông T. Do vậy, Hội đồng xét xử giao con cho bà P nuôi cũng đảm bảo quyền lợi của các con.

Về cấp dưỡng: Bà P không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với ông Lê Xuân T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Lê Xuân T.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Anh Th, sinh ngày 28/3/2016 và Lê Xuân H sinh ngày 27/3/2018 cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Ông Lê Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0053557 ngày 20/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Huỳnh Minh Trí